

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TRẢNG BOM
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 104/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 18/7/2023

V/v: “Ly hôn, tranh chấp nuôi
con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRẢNG BOM - TỈNH ĐỒNG NAI**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hương.
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Đình Quang.
Bà Nguyễn Thị Thu Phương.
- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Thảo – Thư ký Tòa án nhân dân huyện
Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai.
- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai tham
gia phiên tòa: Ông Cao Văn Bình – Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 7 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trảng Bom
xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 497/2023/TLST-
HNGĐ ngày 15 tháng 5 năm 2023 về việc “Ly hôn, tranh chấp nuôi con”, theo
Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 94/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 30/6/2023,
giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Đinh Thị Thủy T, sinh năm: 1988.
HKTT: Số 31/2a, Quốc Lộ 1A, ấp T, xã H, huyện T, tỉnh Đồng Nai.
Liên lạc: Đường B, ấp B, xã B, huyện T, tỉnh Đồng Nai.
- Bị đơn: Anh Ngô Ngọc K, sinh năm: 1986.
HKTT và trú tại: Số 31/2a, Quốc Lộ 1A, ấp T, xã H, huyện T, tỉnh Đồng
Nai.
(các đương sự vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN

- Theo đơn khởi kiện và các bản tự khai có trong hồ sơ vụ án, nguyên
đơn chị Đinh Thị Thủy T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh K tự nguyện tìm hiểu và yêu thương nhau
nên chung sống và đăng ký kết hôn tại UBND xã B, huyện Trảng Bom và được
cấp giấy chứng nhận kết hôn vào năm 2009. Quá trình chung sống phát sinh
nhiều mâu thuẫn do vợ chồng không có tiếng nói chung, không còn quan tâm

đến nhau và anh chị đã sống riêng từ đầu năm 2022; hôn nhân không hạnh phúc nên chị yêu cầu được ly hôn với anh K.

Về con chung: Có 03 con chung là cháu Ngô Ngọc Phương T, sinh ngày 07/01/2010, Ngô Hà M, sinh ngày 17/12/2013, Ngô Ngọc Phương V, sinh ngày 03/3/2020. Trường hợp ly hôn, chị yêu cầu được nuôi dưỡng 03 con chung và tạm thời không yêu cầu anh K cấp dưỡng.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Vì bận công việc và chăm sóc con nên chị xin vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án.

- *Tại biên bản làm việc ngày 22/5/2023, bị đơn anh Ngô Ngọc K trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị T là vợ chồng hợp pháp như chị T đã ghi trong đơn khởi kiện. Tuy nhiên, vợ chồng chung sống không phát sinh mâu thuẫn nghiêm trọng như chị T trình bày, nhưng hiện nay vợ chồng đã ở riêng, anh vẫn còn thương vợ con nên anh không đồng ý ly hôn.

Về con chung: Có 03 con chung là cháu Ngô Ngọc Phương T, sinh ngày 07/01/2010, Ngô Hà M, sinh ngày 17/12/2013, Ngô Ngọc Phương V, sinh ngày 03/3/2020. Trường hợp ly hôn, chị T yêu cầu được nuôi dưỡng 03 con chung và tạm thời không yêu cầu anh K cấp dưỡng thì anh đồng ý.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Anh xin vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm:

Về quan hệ pháp luật, thẩm quyền, xác định tư cách pháp lý và mối quan hệ giữa những người tham gia tố tụng, thủ tục hòa giải, thời hạn chuẩn bị xét xử, quyết định xét xử; việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử và việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng được Tòa án thực hiện theo đúng quy định của pháp luật. Tuy nhiên, còn có vi phạm về thời hạn tổng đạt thông báo thu thập tài liệu, chứng cứ cho các đương sự và thời hạn giao quyết định đưa vụ án ra xét xử và hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu.

Về đường lối giải quyết vụ án: Đơn khởi kiện xin ly hôn của chị T là có cơ sở chấp nhận nên đề nghị cho chị được ly hôn với anh K. Về con chung: Giao con chung cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng và tạm thời anh K không phải cấp dưỡng nuôi con; tài sản chung, nợ chung các đương sự trình bày không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên đề nghị không xem xét. Về án phí: Chị T phải nộp án phí theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Chị Đinh Thị Thủy T nộp đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn, tranh chấp nuôi

con với anh Ngô Ngọc K, sinh năm: 1986, địa chỉ: Số 31/2a, Quốc Lộ 1A, ấp T, xã H, huyện T, tỉnh Đồng Nai nên theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự thì quan hệ là “*Ly hôn, tranh chấp nuôi con*” và vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Trảng Bom.

[2] Về thủ tục tố tụng:

Chị T nộp đơn đúng trình tự thủ tục nên được thụ lý, giải quyết.

Chị T, anh K có đơn xin xét xử vắng mặt nên căn cứ Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự để xét xử vắng mặt các đương sự.

[3] Về yêu cầu khởi kiện:

3.1 - Về quan hệ hôn nhân:

Chị T và anh K tự nguyện chung sống và đăng ký kết hôn, được UBND xã B, huyện T, tỉnh Đồng Nai cấp giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 142/BS ngày 28/7/2009 nên đây là hôn nhân hợp pháp.

Quá trình giải quyết vụ án, chị T kiên quyết yêu cầu được ly hôn với anh K, hiện nay vợ chồng không

còn quan tâm đến nhau, hôn nhân không hạnh phúc và vợ chồng đã sống riêng. Anh K xác nhận vợ chồng đã sống riêng, nhưng anh còn thương vợ, thương con nên anh không đồng ý ly hôn. Tuy nhiên, quá trình giải quyết vụ án Tòa án nhiều lần triệu tập anh K để làm việc nhưng anh K vắng mặt không có lý do, thể hiện việc anh K không có thiện chí hòa giải, đoàn tụ. Từ những căn cứ trên, xét mâu thuẫn giữa anh K với chị T là trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị T yêu cầu ly hôn với anh K là có cơ sở, phù hợp quy định tại Điều 51 và Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

3.2 - Về con chung: Có 03 con chung là cháu Ngô Ngọc Phương T, sinh ngày 07/01/2010, Ngô Hà M, sinh ngày 17/12/2013, Ngô Ngọc Phương V, sinh ngày 03/3/2020. Trường hợp ly hôn, anh chị thống nhất giao 03 cháu cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục, tạm thời anh K không phải cấp dưỡng nuôi con. Mặt khác, chị T có công việc ổn định với thu nhập khoảng 10.000.000 đồng/tháng và các cháu có nguyện vọng được sống cùng mẹ, nên chấp nhận yêu cầu nuôi 03 cháu của chị T, tạm thời anh K không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Tài sản chung, nợ chung: Các đương sự trình bày không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về án phí: Chị T phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[5] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trảng Bom phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên ghi nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 28, 35, 39, 147, 220, 228, 264 và Điều 266 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng Điều 9, 10 Luật hôn nhân và gia đình năm 2000; Điều 51, 56, 81, 82, 83 và Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Đinh Thị Thủy T về việc “*Ly hôn, tranh chấp nuôi con*” với anh Ngô Ngọc K.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Đinh Thị Thủy T được ly hôn với anh Ngô Ngọc K

2. Về con chung: Giao cháu Ngô Ngọc Phương T, sinh ngày 07/01/2010, cháu Ngô Hà M, sinh ngày 17/12/2013 và cháu Ngô Ngọc Phương V, sinh ngày 03/3/2020 cho chị Đinh Thị Thủy T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục; tạm thời anh Ngô Ngọc K không phải cấp dưỡng nuôi con.

Anh Ngô Ngọc K được quyền đến thăm nom, chăm sóc con chung không ai được cản trở. Vì lợi ích của con chung khi cần thiết các đương sự được quyền xin thay đổi người trực tiếp nuôi con và yêu cầu mức cấp dưỡng nuôi con chung.

3. Tài sản chung, nợ chung: Không xem xét.

4. Về án phí: Chị Đinh Thị Thủy T phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân gia đình nhưng trừ vào 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0002959 ngày 15/5/2023 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai. Chị Đinh Thị Thủy T đã nộp đủ án phí.

5. Chị Đinh Thị Thủy T, anh Ngô Ngọc K có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAT, THA, VKS;
- Đương sự;
- UBND xã B.
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Hương